

**Kính gửi: Các đơn vị**

Công tác bảo đảm chất lượng giáo dục là nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường. Để triển khai đánh giá các chương trình đào tạo được thuận lợi và phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các cơ sở giáo dục đại học Đông Nam Á (AUN-QA), Trường Đại học Cần Thơ hướng dẫn thực hiện minh chứng bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo cụ thể như sau.

**I. Giải thích chung**

1). “Thông tin” là những tư liệu được sử dụng để hỗ trợ và minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo. Thông tin được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau để đảm bảo độ tin cậy và tính chính xác khi sử dụng trong quá trình đánh giá.

2). “Minh chứng” là những thông tin gắn với các tiêu chí để xác định mức độ đạt được của tiêu chí. Trong đánh giá chất lượng, minh chứng là những văn bản, hồ sơ, sổ sách, băng, đĩa hình, hiện vật đã và đang có của đơn vị và nhà trường phù hợp với yêu cầu (nội hàm) trong từng tiêu chí. Minh chứng được sử dụng để chứng minh cho các phân tích, giải thích từ đó đưa ra các nhận định, kết luận trong báo cáo tự đánh giá, làm tăng tính thuyết phục của báo cáo tự đánh giá.

Minh chứng có thể là sơ cấp hoặc thứ cấp. Minh chứng sơ cấp là những văn bản về quy chế, quy định, quy trình, biên bản họp, đề cương môn học, bài thi, sản phẩm nghiên cứu khoa học, ... Minh chứng thứ cấp là minh chứng được phân tích, tổng hợp từ minh chứng sơ cấp, được thể hiện bằng trích dẫn, bảng số liệu thống kê, bảng tổng hợp, phân tích, lưu đồ, đồ thị, ...

**Ví dụ 1:**

Minh chứng thứ cấp là nội dung phát biểu về Sứ mệnh và Tầm nhìn của Trường Đại học Cần Thơ trong Báo cáo thường niên Trường Đại học Cần Thơ năm 2018. Minh chứng sơ cấp tương ứng là Quyết định 1086/QĐ-ĐHCT ngày 17/4/2014 ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Cần Thơ (nội dung về Sứ mệnh được trình bày tại Điều 3 của Mục 2 và nội dung về Tầm nhìn được trình bày tại Điều 4 của Mục 2).

**Ví dụ 2:**

Minh chứng thứ cấp là bảng thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên

cứu. Minh chứng sơ cấp tương ứng là báo cáo khảo sát giảng viên cơ hữu về việc sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Cần lưu ý là trong khi viết báo cáo tự đánh giá, các minh chứng thứ cấp được trình bày trong phần phụ lục của báo cáo tự đánh giá, và các minh chứng sơ cấp được liệt kê trong danh mục minh chứng của báo cáo tự đánh giá.

3). “Cơ sở dữ liệu” được quy định tại hướng dẫn này là một hệ thống các thông tin có cấu trúc được lưu trữ trên các thiết bị lưu trữ thông tin như băng từ, đĩa từ, ổ cứng máy tính... để có thể thỏa mãn yêu cầu khai thác thông tin đồng thời của nhiều người sử dụng hay nhiều chương trình ứng dụng phục vụ mục đích báo cáo, kiểm tra, đối chiếu theo yêu cầu. Cơ sở dữ liệu cung cấp các thông tin được trình bày trong báo cáo tự đánh giá, và có thể được dùng làm cơ sở tra cứu khi cần.

Thông tin, các minh chứng và cơ sở dữ liệu giúp minh họa cho các nhận định, đánh giá trong báo cáo tự đánh giá và là cơ sở để xây dựng kế hoạch hành động và đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí.

4). Các đơn vị đào tạo, tổ đảm bảo chất lượng của đơn vị đào tạo, và tổ tự đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo thuộc đơn vị đào tạo được viết chung là đơn vị.

## **II. Yêu cầu thực hiện về minh chứng bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo**

**1. Nghiên cứu các văn bản, tài liệu liên quan:** Đơn vị nghiên cứu kỹ các văn bản, tài liệu liên quan đến tự đánh giá và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, gồm Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo, Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Phụ lục 1 của Hướng dẫn này (tại mục “Gợi ý các minh chứng”);

**2. Xác định và thu thập minh chứng:** Đơn vị xác định các loại minh chứng cần thiết và phù hợp với nội dung sẽ trình bày trong báo cáo tự đánh giá của đơn vị; có thể sử dụng các minh chứng trong danh mục minh chứng Báo cáo tự đánh giá Trường giai đoạn 2012-2016 theo 10 tiêu chuẩn (61 tiêu chí) do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Đơn vị bảo đảm việc thực hiện mục “Gợi ý các minh chứng” tại Phụ lục 1, bao quát được tất cả các hoạt động tại các đơn vị liên quan tới chương trình đào tạo. Trung tâm Quản lý Chất lượng có đưa ra một số gợi ý mang tính tham khảo và đề nghị các đơn vị chủ động bổ sung và cập nhật bảo đảm có các minh chứng phù hợp.

Trường hợp các văn bản đơn vị đã xác định làm minh chứng mà đơn vị chưa có, đơn vị chủ động liên hệ các đơn vị chức năng trong Trường đã hỗ trợ soạn thảo, tư vấn ban hành các văn bản này (đơn cử như Phòng Đào tạo, Trung tâm Quản lý chất lượng, Phòng Quản lý Khoa học, Khoa, Viện, Bộ môn,...) để có các bản chính hoặc bản sao bảo đảm tính hợp lệ (có chữ ký và/hoặc con dấu).

**3. Thống nhất minh chứng:** Đơn vị tổ chức rà soát, đối chiếu minh chứng đã thu thập được (như tại mục 2) tránh sự trùng lặp của các minh chứng đã có.

**4. Lập danh mục minh chứng:** Đơn vị lập danh mục minh chứng đáp ứng yêu cầu báo cáo tự đánh giá. Danh mục minh chứng (MC) gồm các nội dung cụ thể như sau:

| <i>Mã MC</i>     | <i>Tên MC</i>                   | <i>Số,<br/>ngày/tháng<br/>/năm<br/>ban hành</i> | <i>Nơi ban<br/>hành</i> | <i>Ghi chú</i>                        |
|------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------|
|                  | Tiêu chuẩn 1                    |                                                 |                         |                                       |
|                  | Tiêu chí 1.1                    |                                                 |                         |                                       |
| H01.01.<br>01.01 | Báo cáo thường niên Trường ĐHCT | 3/2019                                          | Trường<br>ĐHCT          | Bản tiếng<br>Việt và bản<br>tiếng Anh |
| ...              | ...                             | ...                                             | ...                     |                                       |

Đơn vị tuân thủ quy tắc mã hóa minh chứng để lập danh mục minh chứng kèm theo báo cáo tự đánh giá cụ thể như sau:

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

**Ví dụ:**

*H1.01.01.01*: MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, đặt ở hộp 1;

*H3.03.02.15*: MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, đặt ở hộp 3;

*H4.04.03.25*: MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, đặt ở hộp 4;

*H8.10.02.04*: MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, đặt ở hộp 8;

*H10.10.02.04*: MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, đặt ở hộp 10.

5. **Số hóa và lưu trữ minh chứng:** Đơn vị số hóa minh chứng và lưu trữ minh chứng trong ổ đĩa máy tính, trên Google drive, ... sau khi hoàn thành việc lập danh mục minh chứng.

### **III. Yêu cầu thực hiện về cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo**

Đơn vị nghiên cứu kỹ các nội dung yêu cầu thực hiện về cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 của hướng dẫn này (đã căn cứ theo Phụ lục 8 ban hành theo Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo).

Đơn vị phối hợp với các đơn vị khác có liên quan bảo đảm cung cấp đủ các thông tin và số liệu cho 58 hạng mục thông tin, cơ sở dữ liệu và 7 nhóm chỉ số quan trọng (xem Phụ lục 2).

### **IV. Các yêu cầu thực hiện khác**

1. Đơn vị bảo đảm các thông tin, minh chứng, cơ sở dữ liệu phù hợp với yêu cầu của tiêu chí và đáng tin cậy, minh họa đầy đủ chu kỳ tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là 05 năm. Trường hợp các chương trình đào tạo được triển khai chưa đủ 05 năm thì thời điểm thu thập minh chứng tính từ khi chương trình đào tạo bắt đầu tuyển sinh và hoạt động.

2. Đơn vị bảo đảm các thông tin, minh chứng đáp ứng chu trình PDCA, nghĩa là phải thể hiện các nội dung xuyên suốt giai đoạn từ lập kế hoạch (*plan*) đến triển khai kế hoạch (*do*) đến kết quả và đánh giá kết quả của hoạt động theo kế hoạch (*check* và *act*); và phải được mã hóa, sắp xếp theo quy định.

3. Đơn vị bảo đảm thông tin, minh chứng phản ánh trung thực các hoạt động trong thực tế vận hành của chương trình đào tạo. Đối với các nội dung cần có văn bản hay số liệu để làm minh chứng mà đơn vị chưa thực hiện, đơn vị cần lập kế hoạch triển khai để có văn bản, số liệu, thông tin dùng làm minh chứng. Trong tiến trình thu thập cơ sở dữ liệu và minh chứng, đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm thu thập phải chỉ rõ nguồn gốc của cơ sở dữ liệu và minh chứng này.

4. Đơn vị và hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chịu trách nhiệm về độ tin cậy, tính xác thực, mức độ phù hợp và liên quan đến nội hàm của tiêu chí của các thông tin, minh chứng và cơ sở dữ liệu.

5. Đơn vị cần thông tin tới các bên liên quan trong chương trình đào tạo của đơn vị các thông tin phục vụ công tác tự đánh giá và báo cáo tự đánh giá theo đúng đối tượng, nội dung, và bằng nhiều hình thức khác nhau.

6. Đơn vị chịu trách nhiệm chuyển ngữ sang tiếng Anh các thông tin và minh chứng cốt lõi phục vụ tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA (xem Phụ lục 3) và các tiêu chuẩn quốc tế khác.



## **V. Yêu cầu thực hiện về lưu trữ và báo cáo**

1. Đơn vị bảo đảm việc lưu trữ các cơ sở dữ liệu và minh chứng theo nguyên tắc toàn vẹn, bảo mật. Khuyến khích đơn vị và cá nhân sử dụng công nghệ thông tin để số hóa các minh chứng, lưu trữ các thông tin và cơ sở dữ liệu, tạo điều kiện thuận tiện cho việc lưu trữ, trích lục và đối chiếu khi cần.

2. Thủ trưởng các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác xác định, thu thập, lập danh mục minh chứng và cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

3. Hằng năm, các đơn vị chịu trách nhiệm rà soát toàn bộ các minh chứng phục vụ báo cáo tự đánh giá để bổ sung và thay thế các minh chứng. Trong trường hợp minh chứng cần được thay thế bằng minh chứng còn hiệu lực và phù hợp, mã của minh chứng thay thế là mã của minh chứng được thay thế và phải ghi rõ trong danh mục minh chứng ngày, tháng, năm thay thế.

4. Các đơn vị thực hiện việc báo cáo về công tác minh chứng bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo khi có yêu cầu trực tiếp đến Ban Giám hiệu hoặc thông qua Trung tâm Quản lý Chất lượng.

Trên đây là các yêu cầu thực hiện minh chứng và cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo. Đề nghị các đơn vị liên quan triển khai để công tác đánh giá các chương trình đào tạo được thuận lợi và phù hợp với quy định.

Cần biết thêm thông tin, đề nghị liên hệ Trung tâm Quản lý Chất lượng qua cô Châu Thị Tím, chuyên viên, theo địa chỉ thư điện tử: [cttim@ctu.edu.vn](mailto:cttim@ctu.edu.vn).

Trân trọng./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Các đơn vị (để t/h);
- Lưu VT, TT, QLCL.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hà Thanh Toàn**

**Phụ lục 1: Hướng dẫn các Minh chứng được sử dụng trong đánh giá CTĐT** (theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (mức chuẩn))

**Lưu ý:** Trung tâm Quản lý Chất lượng có đưa ra một số gợi ý mang tính tham khảo. Đề nghị các đơn vị chủ động bổ sung và cập nhật bảo đảm có các minh chứng phù hợp cho các tiêu chí, tiêu chuẩn.

| TT | Nguồn Minh chứng                                                                                                     | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                        |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | <b>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>                                               |                                                                                                                                             |
| 1  | Văn bản chính thức phát biểu về tầm nhìn, sứ mạng của CSGD                                                           | -Báo cáo thường niên Trường ĐHCT<br>Website Trường ĐHCT<br>-Các poster phổ biến về tầm nhìn và sứ mạng của Trường                           |
| 2  | Quyết định ban hành CTĐT                                                                                             | QĐ 2975/QĐ-ĐHCT ngày 28/8/2014 ban hành Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học                                                     |
| 3  | Bản mô tả/đề cương CTĐT gồm các phiên bản cũ và mới nhất (được phê duyệt chính thức)                                 | -Công văn 2223/ĐHCT ngày 19/10/2018 v/v hướng dẫn điều chỉnh CTĐT trình độ đại học<br>-Mẫu Đề cương CTĐT trình độ đại học                   |
| 4  | Bản mô tả/đề cương môn học/học phần gồm các phiên bản cũ và mới nhất (được phê duyệt chính thức)                     | Mẫu Đề cương chi tiết học phần trình độ đại học                                                                                             |
| 5  | Ma trận các kỹ năng                                                                                                  | Tham khảo Ma trận các kỹ năng của Báo cáo TĐG các CTĐT đã đạt chứng nhận AUN-QA năm 2018 ( <i>Kinh doanh quốc tế, Công nghệ thông tin</i> ) |
| 6  | Tài liệu khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá |                                                                                                                                             |
| 7  | Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT                                                          |                                                                                                                                             |
| 8  | Kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học CTĐT trong 5 năm gần nhất                                                  | Dữ liệu tốt nghiệp của Phòng Đào tạo (Bảng thống kê số liệu về SVTN: số lượng SVTN, ngành học, xếp loại tốt nghiệp...)                      |
| 9  | Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CĐR của CTĐT                                               |                                                                                                                                             |
| 10 | Các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng                                                                             | -Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ CTĐT                                                                                                       |

| TT                                                  | Nguồn Minh chứng                                                                                    | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                     | giáo dục (KĐCLGD) của CTĐT (nếu có) và đối sánh                                                     | theo tiêu chuẩn AUN-QA (đối với các CTĐT được kiểm định nội bộ);<br>-Báo cáo kết quả đánh giá ngoài CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA (đối với các CTĐT được AUN-QA đánh giá);<br>-Báo cáo kết quả đánh giá ngoài CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT (đối với các CTĐT được Bộ GD&ĐT kiểm định) |
| 11                                                  | Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa                                                               | -Website Trường ĐHCT<br>-Facebook Trường ĐHCT<br>-Website / Facebook đơn vị                                                                                                                                                                                                              |
| 12                                                  | Tờ rơi, tài liệu quảng bá, các bản tin về khoá học                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 13                                                  | Thông tin thu được qua phỏng vấn giảng viên, người học, cựu người học, nhà sử dụng lao động         |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo</b> |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1                                                   | Kế hoạch/báo cáo xây dựng/điều chỉnh Bản mô tả CTĐT được phê duyệt                                  | -Công văn 2223/ĐHCT ngày 19/10/2018 v/v hướng dẫn điều chỉnh CTĐT trình độ đại học<br>-Mẫu Đề cương CTĐT trình độ đại học                                                                                                                                                                |
| 2                                                   | Đề cương của tất cả các môn học/học phần có trong CTĐT                                              | Đề cương chi tiết học phần, công bố tại địa chỉ:<br>+ Đại học: <a href="https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html">https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html</a> ;<br>+ Sau đại học: <a href="https://gs.ctu.edu.vn/ketdt/">https://gs.ctu.edu.vn/ketdt/</a> )             |
| 3                                                   | Ma trận phát triển kiến thức kỹ năng                                                                | Tham khảo Ma trận phát triển kiến thức kỹ năng của Báo cáo TĐG các CTĐT đã đạt chứng nhận AUN-QA năm 2018 ( <i>Kinh doanh quốc tế, Công nghệ thông tin</i> )                                                                                                                             |
| 4                                                   | Ý kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các môn học/học phần              | Báo cáo khảo sát nhu cầu mở ngành đào tạo (khảo sát Bước 1 và Bước 6 đối với các CTĐT mở từ năm 2016)                                                                                                                                                                                    |
| 5                                                   | Biên bản họp/tài liệu liên quan đến hoạt động rà soát đề cương môn học/học phần                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 6                                                   | Báo cáo về kết quả KĐCLGD đối sánh chất lượng môn học/học phần                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 7                                                   | Các tài liệu chính thống của CSGD trong đó có phần công bố về bản mô tả CTĐT/ đề cương các học phần | -Đề án tuyển sinh Trường ĐHCT<br>-Website Trường ĐHCT<br>-Website đơn vị                                                                                                                                                                                                                 |

| TT                                                             | Nguồn Minh chứng                                                                                              | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8                                                              | Sổ tay CTĐT                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 9                                                              | Sổ tay sinh viên                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 10                                                             | Trang thông tin điện tử của CSGD và của khoa                                                                  | -Website Trường ĐHCT<br>-Website đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                |
| 11                                                             | Tờ rơi, tài liệu quảng bá môn học/học phần, bản tin                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 12                                                             | Thông tin thu được qua phỏng vấn giảng viên, người học, cựu người học, nhà sử dụng lao động                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</b> |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1                                                              | Bản mô tả CTDH, bản mô tả môn học/học phần                                                                    | Chương trình đào tạo, công bố tại địa chỉ:<br>+ Đại học: <a href="https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html">https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html</a> ;<br>+ Sau đại học: <a href="https://gs.ctu.edu.vn/kctdt/">https://gs.ctu.edu.vn/kctdt/</a> )                 |
| 2                                                              | Sơ đồ/kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3                                                              | Hồ sơ giảng dạy của giảng viên                                                                                | Thời khóa biểu lớp học phần, giáo án....                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4                                                              | Mô tả CDR của CTĐT                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 5                                                              | Góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học...) về CTDH | - Kết quả lấy ý kiến SV, SV làm thủ tục tốt nghiệp, cựu SV, và NSDLĐ<br>- Kết quả họp mặt tiếp xúc SV của lãnh đạo Nhà trường/Khoa/Bộ môn<br>- Trao đổi qua e-mail của các SV, cựu SV, và NSDLĐ<br>- Thông tin trên các phương tiện truyền thông<br>- ...                              |
| 6                                                              | Tài liệu quy định/hướng dẫn việc xây dựng CTDH trong đó nêu rõ bố cục, cấu trúc của CTDH                      | Thông tư Số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ |
| 7                                                              | Các biên bản họp/tài liệu liên quan tới hoạt động xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 8                                                              | Các biên bản họp/tài liệu liên quan đến hoạt động rà soát chương trình                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 9                                                              | Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh                                                                             | -Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ CTĐT                                                                                                                                                                                                                                                  |



| TT                                                         | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                                                                                      | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                            |                                                                                                                                                                                                                       | theo tiêu chuẩn AUN-QA (đối với các CTĐT được kiểm định nội bộ);<br>-Báo cáo kết quả đánh giá ngoài CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA (đối với các CTĐT được AUN-QA đánh giá);<br>-Báo cáo kết quả đánh giá ngoài CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT (đối với các CTĐT được Bộ GD&ĐT kiểm định)                             |
| 10                                                         | Trang thông tin điện tử của CSGD và của khoa                                                                                                                                                                          | -Website Trường ĐHCT<br>-Website đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 11                                                         | Tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, bản tin về chương trình                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 12                                                         | Thông tin thu được từ phỏng vấn người học, cựu người học                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</b> |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1                                                          | Văn bản chính thức của CSGD có đề cập đến triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục                                                                                                                                    | Tham khảo Luật Giáo dục đại học hiện hành                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2                                                          | Kế hoạch/tài liệu liên quan đến việc giới thiệu/phổ biến triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3                                                          | Ý kiến phản hồi của các bên liên quan                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4                                                          | Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập chẳng hạn như: dự án; thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 5                                                          | Cổng thông tin học tập trực tuyến                                                                                                                                                                                     | <a href="https://elearning.ctu.edu.vn/login/index.php">https://elearning.ctu.edu.vn/login/index.php</a>                                                                                                                                                                                                              |
| 6                                                          | Tài liệu/hội thảo liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập                                                                                                                  | Tham khảo thêm tại:<br><a href="https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/2072-hoi-thao-trao-doi-kinh-nghiem-giang-day-bang-giao-trinh-dien-tu-va-danh-gia-sinh-vien-qua-mang.html">https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/2072-hoi-thao-trao-doi-kinh-nghiem-giang-day-bang-giao-trinh-dien-tu-va-danh-gia-sinh-vien-qua-mang.html</a> |
| 7                                                          | Ý kiến phản hồi của các bên liên quan (ý kiến của người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về hiệu quả/chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, sáng tạo để tiếp cận công nghệ/dây chuyền sản xuất mới) | Phiếu lấy ý kiến nhận xét đánh giá của nhà sử dụng lao động đối với SVTN làm việc tại các doanh nghiệp (mã số V09012014)                                                                                                                                                                                             |
| 8                                                          | Trang thông tin điện tử của CSGD và của khoa                                                                                                                                                                          | -Website Trường ĐHCT<br>-Website đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 9                                                          | Tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, bản tin về triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của chương trình                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| TT                                                          | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                                                  | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10                                                          | Thông tin thu được thông qua phỏng vấn các bên liên quan trong quá trình đánh giá ngoài                                                                                           |                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học</b> |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                 |
| 1                                                           | Quy chế đào tạo/thi, kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                           | Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy (QĐ Số 3324/QĐ-ĐHCT ngày 18/8/2016; QĐ Số 2742/QĐ-ĐHCT ngày 15/8/2017; Quyết định số 2748/QĐ-ĐHCT ngày 12/7/2019);    |
| 2                                                           | Quy trình tổ chức đánh giá                                                                                                                                                        | Đầu vào:<br><a href="https://tuyensinh.ctu.edu.vn/dai-hoc-chinh-quy/thong-tin-tuyen-sinh.html">https://tuyensinh.ctu.edu.vn/dai-hoc-chinh-quy/thong-tin-tuyen-sinh.html</a>                     |
| 3                                                           | Văn bản/tài liệu hướng dẫn/quy định về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tất cả các khâu từ tuyển sinh đầu vào, quá trình đào tạo, thi/chấm luận văn tốt nghiệp |                                                                                                                                                                                                 |
| 4                                                           | Quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                 |
| 5                                                           | Bảng tiêu chí đánh giá/thang điểm/mẫu phiếu đánh giá khóa học/môn học, đề tài/dự án, luận văn, luận án, bài thi định kỳ/cuối kỳ/cuối khóa                                         | -Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy<br>-Công văn Số 223/ĐHCT-ĐT ngày 17/02/2014 về điểm học phần                                                         |
| 6                                                           | Văn bản quy định về quy trình/thủ tục khiếu nại kết quả học tập//phúc khảo                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                 |
| 7                                                           | Các văn bản/tài liệu tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT                                                                |                                                                                                                                                                                                 |
| 8                                                           | Chứng chỉ/tài liệu minh chứng về kỹ năng kiểm tra/đánh giá của giảng viên (nếu có)                                                                                                |                                                                                                                                                                                                 |
| 9                                                           | Ý kiến phản hồi của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học, cán bộ quản lý chương trình)                                                                         | Trích nội dung kết quả khảo sát SV/HV về giảng dạy lớp học phần                                                                                                                                 |
| 10                                                          | Các văn bản/tài liệu tổng kết, sơ kết sau mỗi kỳ học/năm học                                                                                                                      | Báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch công tác năm học mới của Trường trong giai đoạn liên quan                                                                                                  |
| 11                                                          | Sổ theo dõi việc khiếu nại/kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học                                                                                             | - Sổ theo dõi việc khiếu nại/kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học<br>- Email trao đổi và phản hồi về kết quả học tập cũng như khiếu nại về kết quả học tập của sinh viên. |

| TT                                                       | Nguồn Minh chứng                                                                                                                     | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12                                                       | Trang thông tin điện tử của CSGD và của khoa                                                                                         | -Website Trường ĐHCT<br>-Website đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 13                                                       | Thông tin thu được thông qua phỏng vấn người học, cựu người học thông qua nhiều hình thức khác nhau                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên</b> |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1                                                        | Kế hoạch chiến lược của CSGD/khoa                                                                                                    | -Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2020<br>-Quyết định phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2020 (QĐ 6004/QĐ-BGDĐT, ngày 21/9/2007)<br>-Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022 |
| 2                                                        | Kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 3                                                        | Tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,... | -QĐ số 6288/QĐ-ĐHCT ngày 31/12/2013 ban hành Quy định về quản lý công tác chuyên môn đối với giảng viên Trường ĐHCT<br>-QĐ số 79/QĐ-ĐHCT ngày 31/5/2012 Ban hành quy định chuẩn mực đạo đức của cán bộ viên chức Trường ĐHCT trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh                    |
| 4                                                        | Kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa                                                                         | Kế hoạch đăng ký nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị (Thông báo từ PTCCB gửi các đơn vị về đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; Công văn, danh sách đăng ký nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng...của đơn vị tổng hợp và gửi PTCCB hằng năm)                                                          |
| 5                                                        | Cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 6                                                        | Tiêu chuẩn tuyển dụng/bổ nhiệm                                                                                                       | -QĐ 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc tuyển dụng viên chức;<br>-Quyết định số 598 /QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng                                                                                                                      |

| TT | Nguồn Minh chứng                                                                                                                       | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                        | Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHCT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 7  | Phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của giảng viên, nghiên cứu viên                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 8  | Thông tin về việc nghiên cứu khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên | Tham khảo các thông báo mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn của Phòng Tổ chức – Cán Bộ: <a href="https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao.html">https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao.html</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 9  | Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 10 | Danh sách đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ                                             | -Danh sách các giảng viên, nghiên cứu viên của đơn vị được cử đi hội thảo chuyên môn, tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ trong và ngoài nước, lớp Anh văn cán bộ nguồn, quản lý hành chính nhà nước... hằng năm.<br>-Chứng nhận tham dự hội thảo, chứng chỉ các lớp bồi dưỡng chuyên môn...                                                                                                                                                                    |
| 11 | Chế độ thi đua, khen thưởng                                                                                                            | - Các văn bản hướng dẫn về thi đua-khen thưởng của Trường do Phòng TCCB gửi các đơn vị hằng năm.<br>- Danh sách đăng ký thi đua-khen thưởng hằng năm của đơn vị gửi Phòng TCCB.<br>Tham khảo <a href="https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao/73-ke-hoach-danh-gia-phan-loai-vien-chuc-va-xet-thi-dua-khen-thuong-nam-hoc-2018-2019.html">https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao/73-ke-hoach-danh-gia-phan-loai-vien-chuc-va-xet-thi-dua-khen-thuong-nam-hoc-2018-2019.html</a> |
| 12 | Các chính sách nhân sự                                                                                                                 | -QĐ số 5870/QĐ-ĐHCT ngày 17/12/2013 ban hành Quy định về yêu cầu về tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ đối với giảng viên Trường ĐHCT<br>-QĐ số 6287/QĐ-ĐHCT ngày 31/12/2013 ban hành Quy định về tổ chức quản lý công tác đào tạo nâng cao trình độ đối với viên chức Trường ĐHCT<br>-QĐ số 4412/QĐ-ĐHCT ngày 25/11/2015 ban hành Quy định chế độ                                                                                                            |

| TT | Nguồn Minh chứng                                                                                          | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                           | làm việc đối với giảng viên Trường ĐHCT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 13 | Hồ sơ năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên                                                            | -Bộ hồ sơ giảng viên/nghiên cứu viên lưu tại Phòng TCCB (Bảng cấp, chứng chỉ,...)<br>-Lý lịch khoa học giảng viên tại tài khoản cán bộ trên hệ thống quản lý                                                                                                                                                                                                |
| 14 | Hợp đồng lao động                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 15 | Bản mô tả vị trí công việc của giảng viên, nghiên cứu viên                                                | -QĐ 1052/QĐ-ĐHCT, ngày 25/3/2013 ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của văn phòng khoa, viện, trung tâm và bộ môn trực thuộc Trường ĐHCT<br>-QĐ 5706/QĐ-ĐHCT, ngày 21/12/2016 ban hành Quy trình công tác của các đơn vị thuộc Trường                                                                                            |
| 16 | Sổ tay NCKH                                                                                               | Tham khảo các quy trình thực hiện công tác NCKH<br><a href="https://dra.ctu.edu.vn/bieu-mau-van-ban/quy-trinh-cong-tac.html">https://dra.ctu.edu.vn/bieu-mau-van-ban/quy-trinh-cong-tac.html</a>                                                                                                                                                            |
| 17 | Tài liệu/quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên  | -QĐ 4412/QĐ-ĐHCT ngày 25/11/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường ĐHCT<br>-QĐ 144/QĐ-ĐHCT ngày 19/1/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Trường ĐHCT                                                                                            |
| 18 | Dữ liệu thống kê các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 19 | Dữ liệu về các nghiên cứu và công bố                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 20 | Hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống /cơ chế thi đua khen thưởng                                        | Các thông báo, kế hoạch đánh giá viên chức của Phòng TC-CB hằng năm<br>Tham khảo tại<br><a href="https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao/73-ke-hoach-danh-gia-phan-loai-vien-chuc-va-xet-thi-dua-khen-thuong-nam-hoc-2018-2019.html">https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao/73-ke-hoach-danh-gia-phan-loai-vien-chuc-va-xet-thi-dua-khen-thuong-nam-hoc-2018-2019.html</a> |
| 21 | Bản nhận xét/đánh giá trình độ/năng lực hằng năm của giảng viên, nghiên cứu viên                          | Mẫu phiếu đánh giá viên chức là giảng viên<br>Tham khảo mẫu phiếu tại                                                                                                                                                                                                                                                                                       |



| TT                                     | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                     | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                        |                                                                                                                                                      | <a href="https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao/73-ke-hoach-danh-gia-phan-loai-vien-chuc-va-xet-thi-dua-khen-thuong-nam-hoc-2018-2019.html">https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao/73-ke-hoach-danh-gia-phan-loai-vien-chuc-va-xet-thi-dua-khen-thuong-nam-hoc-2018-2019.html</a>                                                         |
| 22                                     | Kết quả đánh giá, phân loại giảng viên, nghiên cứu viên hằng năm                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 23                                     | Sổ tay giảng viên                                                                                                                                    | Sổ tay giảng viên (NXB ĐHCT, in tháng 6/2010)                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 24                                     | Ý kiến phản hồi của giảng viên, nghiên cứu viên và các bên liên quan                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên</b> |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1                                      | Kế hoạch, chiến lược phát triển nhân sự của CSGD/khoa/CTĐT liên quan đến Đội ngũ nhân viên                                                           | <p>-Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2020</p> <p>-Quyết định phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2020 (QĐ 6004/QĐ-BGDĐT, ngày 21/9/2007)</p> <p>-Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022</p> |
| 2                                      | Danh sách đội ngũ nhân viên hỗ trợ (thống kê hằng năm trong giai đoạn đánh giá trong đó thể hiện rõ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3                                      | Đề án vị trí việc làm; quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4                                      | Kết quả phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 5                                      | Bản mô tả công việc của nhân viên                                                                                                                    | <p>-QĐ số 2346/QĐ-ĐHCT ngày 21/7/2014 v/v quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng chức năng thuộc Trường ĐHCT</p> <p>-QĐ 5706/QĐ-ĐHCT, ngày 21/12/2016 ban hành Quy trình công tác của các đơn vị thuộc Trường</p>                                                                                                        |
| 6                                      | Hồ sơ, lý lịch của của đội ngũ nhân viên                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 7                                      | Văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên                                                                                      | QĐ 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27/12/2012 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định về tuyển dụng viên chức Trường ĐHCT                                                                                                                                                                                                           |

| TT | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                 | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8  | Các kế hoạch/quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 9  | Các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được công khai trên trang thông tin điện tử của CSGD/khoa, bảng tin, email nội bộ, ... |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 10 | Các hợp đồng lao động; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 11 | Đánh giá/phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu tự đánh giá viên chức hằng năm có phần nhận xét đánh giá của thủ trưởng đơn vị</li> <li>- Ý kiến đánh giá, nhận xét của đồng nghiệp và lãnh đạo được ghi nhận trong biên bản cuộc họp đánh giá viên chức hằng năm</li> </ul>                                                                                                                                        |
| 12 | Sổ tay cho nhân viên                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 13 | Hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống /cơ chế thi đua khen thưởng                                                                               | <p>Các thông báo, kế hoạch đánh giá viên chức của Phòng TC-CB hằng năm</p> <p>Tham khảo tại</p> <p><a href="https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao/73-ke-hoach-danh-gia-phan-loai-vien-chuc-va-xet-thi-dua-khen-thuong-nam-hoc-2018-2019.html">https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao/73-ke-hoach-danh-gia-phan-loai-vien-chuc-va-xet-thi-dua-khen-thuong-nam-hoc-2018-2019.html</a></p>                                         |
| 14 | Hệ thống văn bản quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức</li> <li>- Nghị định 88/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức</li> </ul> |
| 15 | Văn bản/tài liệu quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 16 | Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá, ...)                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 17 | Các bản tự đánh giá, bản nhận xét của cấp trên, các biên bản họp nhận xét đánh giá xếp loại công chức, viên chức, người lao động                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| TT                                                           | Nguồn Minh chứng                                                                                                                            | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                              | hàng năm; kết quả đánh giá đội ngũ nhân viên hàng năm                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 18                                                           | Kết quả đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 19                                                           | Kế hoạch và kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 20                                                           | Các thông báo/bản đăng ký của nhân viên về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 21                                                           | Các quyết định cử đi học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; các văn bằng chứng chỉ của nhân viên được cử đi học                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyết định cử đi học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ (Hồ sơ lưu TCCB và cá nhân)</li> <li>- Các văn bằng chứng chỉ của nhân viên được cử đi học</li> </ul>                                                                         |
| 22                                                           | Các báo cáo/biên bản/hệ thống thông tin theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học</b> |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1                                                            | Đề án tuyển sinh hàng năm                                                                                                                   | Tham khảo tại<br><a href="https://tuyensinh.ctu.edu.vn/">https://tuyensinh.ctu.edu.vn/</a><br><a href="https://tuyensinh.ctu.edu.vn/dai-hoc-chinh-quy/thong-tin-tuyen-sinh.html">https://tuyensinh.ctu.edu.vn/dai-hoc-chinh-quy/thong-tin-tuyen-sinh.html</a>                  |
| 2                                                            | Phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực (phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của CSGD, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương) |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3                                                            | Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh                                                                                                  | Tham khảo tại<br><a href="https://tuyensinh.ctu.edu.vn/chuong-trinh-dai-tra/177-thong-tin/919-ket-qua-xet-tuyen-dai-hoc-chinh-quy-dot-1-2019.html">https://tuyensinh.ctu.edu.vn/chuong-trinh-dai-tra/177-thong-tin/919-ket-qua-xet-tuyen-dai-hoc-chinh-quy-dot-1-2019.html</a> |
| 4                                                            | Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 5                                                            | Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 6                                                            | Văn bản quy định về quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham khảo tại <a href="https://tuyensinh.ctu.edu.vn/">https://tuyensinh.ctu.edu.vn/</a></li> <li>- Quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&amp;ĐT</li> </ul>                                                                            |
| 7                                                            | Văn bản quy định về CTĐT được phê duyệt                                                                                                     | Quyết định số 2975/QĐ-ĐHCT ngày                                                                                                                                                                                                                                                |

| TT | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                                                                                           | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | trong đó quy định rõ khối lượng học tập của người học                                                                                                                                                                      | 28/8/2014 về Ban hành 93 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ K40                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 8  | Hệ thống quản lý theo học chế tín chỉ                                                                                                                                                                                      | Tham khảo tại <a href="https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php">https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php</a>                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 9  | Dữ liệu về kết quả học tập của người học                                                                                                                                                                                   | - Bảng điểm<br>- Bảng thống kê xếp loại kết quả học tập của người học...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10 | Các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 11 | Các quy định về tư vấn học tập, việc làm, hoạt động hỗ trợ người học                                                                                                                                                       | QĐ số 2067/QĐ-ĐHCT ngày 04/12/2007 ban hành quy định về công tác CVHT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 12 | Các văn bản thành lập/giao nhiệm vụ cho đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học | -Quyết định số 2067/QĐ-ĐHCT, ngày 04/12/2007 Ban hành Quy định về công tác CVHT<br>-Quy định về Công tác học vụ                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 13 | Các kế hoạch, báo cáo hằng năm, hình ảnh minh chứng có tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho người học                                                                                                                      | Kế hoạch, báo cáo, hình ảnh về tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho người học của Trường/đơn vị<br>Ví dụ: <a href="https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1857-chuong-trinh-giao-luu-sinh-vien-giua-dai-hoc-can-tho-va-dai-hoc-soonchunhyang-han-quoc.html">https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1857-chuong-trinh-giao-luu-sinh-vien-giua-dai-hoc-can-tho-va-dai-hoc-soonchunhyang-han-quoc.html</a> |
| 14 | Danh sách, quyết định thành lập các câu lạc bộ, hội nhóm, ...                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 15 | Danh sách người học tham gia vào các câu lạc bộ, các nhóm nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi, ...                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 16 | Danh sách các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp/tổ chức phối hợp/liên kết với CSGD trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 17 | Phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm                                                                                                                               | - Phiếu lấy ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm<br>- Bảng thống kê/biểu đồ thể hiện kết quả đánh giá của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm                                                                                                                                             |
| 18 | Dữ liệu về y tế học đường                                                                                                                                                                                                  | Tham khảo tại <a href="https://dsa.ctu.edu.vn/y-">https://dsa.ctu.edu.vn/y-</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| TT                                                    | Nguồn Minh chứng                                                                                                                      | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                       |                                                                                                                                       | <a href="#">te.html</a>                                                                                                                                                   |
| 19                                                    | Các bảng/biên phổ biến nội quy/quy tắc ứng xử trong CSGD                                                                              | QĐ 5976/QĐ-ĐHCT ngày 22/12/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong Trường ĐHCT                                            |
| 20                                                    | Biên bản kiểm tra/nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm                                     |                                                                                                                                                                           |
| 21                                                    | Các thông báo/kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi                                                                                             | Tham khảo tại <a href="https://tuyensinh.ctu.edu.vn/">https://tuyensinh.ctu.edu.vn/</a>                                                                                   |
| 22                                                    | Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa                                                                                                 |                                                                                                                                                                           |
| 23                                                    | Dữ liệu phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của CSGD                                |                                                                                                                                                                           |
| <b>Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</b> |                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                           |
| 1                                                     | Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng                                                                       |                                                                                                                                                                           |
| 2                                                     | Sơ đồ bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập... ký túc xá                     | Tham khảo tại <a href="https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/so-do-nha-hoc-ky-hieu-phong-hoc">https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/so-do-nha-hoc-ky-hieu-phong-hoc</a> |
| 3                                                     | Kết quả phản hồi của người học và cán bộ, giảng viên, nhân viên về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng          |                                                                                                                                                                           |
| 4                                                     | Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị...; số theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng...                                              |                                                                                                                                                                           |
| 5                                                     | Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. Ngân sách của CSGD dành cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị      |                                                                                                                                                                           |
| 6                                                     | Sơ đồ bố trí thư viện                                                                                                                 |                                                                                                                                                                           |
| 7                                                     | Thống kê danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ CTĐT                                                                   |                                                                                                                                                                           |
| 8                                                     | Hệ thống hướng dẫn, quy định của thư viện; hệ thống theo dõi việc sử dụng tài liệu của thư viện                                       |                                                                                                                                                                           |
| 9                                                     | Báo cáo kết quả khảo sát/đánh giá phản hồi của người học, cán bộ, giảng viên về các nguồn học liệu và chất lượng phục vụ của thư viện |                                                                                                                                                                           |
| 10                                                    | Các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch,                                                                                            |                                                                                                                                                                           |



| TT | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                             | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu,...)                                                          |                                                                                                                                                   |
| 11 | Sơ đồ thiết kế phòng thí nghiệm, phòng thực hành                                                                                                             |                                                                                                                                                   |
| 12 | Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo và NCKH (theo đề cương nghiên cứu hoặc đề cương học phần)                   |                                                                                                                                                   |
| 13 | Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thí nghiệm, thực hành                                                                                                 | QĐ số 3875/QĐ-ĐHCT ngày 16/10/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành |
| 14 | Nhật ký sử dụng trang thiết bị, tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành                                                       |                                                                                                                                                   |
| 15 | Các văn bản đề xuất sửa chữa, cập nhật, duy tu, bảo dưỡng thiết bị thí nghiệm, thực hành                                                                     |                                                                                                                                                   |
| 16 | Các chứng từ thanh toán, biên bản bàn giao, nghiệm thu thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành                                                                  |                                                                                                                                                   |
| 17 | Dữ liệu phản hồi của người học và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị                                                     |                                                                                                                                                   |
| 18 | Báo cáo kết quả khảo sát/đánh giá, phản hồi về chất lượng phục vụ của phòng thực hành, thí nghiệm                                                            |                                                                                                                                                   |
| 19 | Thống kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, phòng họp và thiết bị trực tuyến, trang thông tin điện tử ...                   |                                                                                                                                                   |
| 20 | Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử ... |                                                                                                                                                   |
| 21 | Các văn bản đề xuất nhu cầu; các kế hoạch, dự toán, hóa đơn thanh quyết toán các khoản đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin                               |                                                                                                                                                   |
| 22 | Dữ liệu phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống công nghệ thông tin (đặc biệt các tiêu                            | - Phiếu lấy ý kiến người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống công nghệ thông tin                                      |

| TT                                        | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                                                                                   | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                           | chỉ về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của thiết bị trong hệ thống)                                                                                                                                          | - Bảng thống kê/biểu đồ thể hiện kết quả đánh giá của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 23                                        | Các văn bản/chính sách quy định/hướng dẫn về môi trường, an toàn, sức khỏe trong CSGD của các Bộ/ngành liên quan                                                                                                   | Tham khảo tại <a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbctu/2012_09_QH13.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbctu/2012_09_QH13.pdf</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 24                                        | Các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn do CSGD ban hành                                                                                                                              | Tham khảo tại <a href="https://dfm.ctu.edu.vn/quy-dinh-quy-che/phong-chay-chua-chay.html">https://dfm.ctu.edu.vn/quy-dinh-quy-che/phong-chay-chua-chay.html</a><br><a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbctu/2013-12-23-QD-so-5976-Quy-dinh-ve-nep-song-van-minh.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/vbdh/vbctu/2013-12-23-QD-so-5976-Quy-dinh-ve-nep-song-van-minh.pdf</a><br><a href="https://ctts.ctu.edu.vn/images/upload/quy-dinh/Noi-quy-cang-tin-so-101.NQ-DHCT-ngay-23.01.2013.PDF">https://ctts.ctu.edu.vn/images/upload/quy-dinh/Noi-quy-cang-tin-so-101.NQ-DHCT-ngay-23.01.2013.PDF</a> |
| 25                                        | Dữ liệu về tập huấn/diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn hằng năm và trong giai đoạn đánh giá | Tham khảo tại <a href="https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1314-dien-tap-phuong-an-chua-chay-va-cuu-nan-cuu-ho-tai-truong-dai-hoc-can-tho.html">https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1314-dien-tap-phuong-an-chua-chay-va-cuu-nan-cuu-ho-tai-truong-dai-hoc-can-tho.html</a><br><a href="https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1784-tap-huan-quan-ly-su-dung-phong-thi-nghiem.html">https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1784-tap-huan-quan-ly-su-dung-phong-thi-nghiem.html</a>                                                                                                                                                                |
| 26                                        | Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn....                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 27                                        | Dữ liệu phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe, an toàn (đặc biệt các phản hồi từ người học khuyết tật)                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 28                                        | Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa                                                                                                                                                                              | Website của Trường/đơn vị (Công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về cơ sở vật chất và trang thiết bị)<br><a href="https://www.ctu.edu.vn/images/upload/TT36/2019/Bieu-19_Cong-khai-co-so-vat-chat_NH-2018-2019_DHCT.pdf">https://www.ctu.edu.vn/images/upload/TT36/2019/Bieu-19_Cong-khai-co-so-vat-chat_NH-2018-2019_DHCT.pdf</a>                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng</b> |                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1                                         | Văn bản giao nhiệm vụ/quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên                                                                                                                              | QĐ 1640/QĐ-ĐHCT, ngày 20/8/2015 ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TT | Nguồn Minh chứng                                                                                                                              | Gợi ý các Minh chứng                                             |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|    | quan để xây dựng và phát triển CTDH                                                                                                           | từ các bên liên quan                                             |
| 2  | Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH                         |                                                                  |
| 3  | Các báo cáo/biên bản/kết luận thu được từ thảo luận, trao đổi nhóm, đối thoại, điều tra theo dấu vết,...                                      |                                                                  |
| 4  | Các văn bản/tài liệu về điều chỉnh/thẩm định kèm theo các phiên bản cũ và mới của CTĐT, CTDH trong giai đoạn đánh giá                         |                                                                  |
| 5  | Văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH                                                                                     | Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT  |
| 6  | Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH             | Phiếu khảo sát thực hiện khi mở ngành đào tạo (bước 1 và bước 6) |
| 7  | Các báo cáo/biên bản/kết luận thu được từ thảo luận, trao đổi nhóm, đối thoại, điều tra theo dấu vết,... phản hồi về CTDH và môn học/học phần |                                                                  |
| 8  | Các biên bản đánh giá/rà soát/cải tiến/thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTDH                                                          |                                                                  |
| 9  | Các văn bản quy định/hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập                                               |                                                                  |
| 10 | Các biên bản rà soát/đánh giá quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập                                                                 |                                                                  |
| 11 | Các biên bản/tài liệu thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập với CĐR                           |                                                                  |
| 12 | Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và kết quả học tập                                                              |                                                                  |
| 13 | Hồ sơ các đề tài NCKH                                                                                                                         |                                                                  |
| 14 | Sản phẩm các đề tài NCKH                                                                                                                      |                                                                  |
| 15 | Các hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm v.v để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH                                                           |                                                                  |
| 16 | Văn bản quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích                                                              |                                                                  |
| 17 | Dữ liệu giám sát, phiếu đánh giá, báo cáo kết quả khảo sát/đánh giá các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích                                            |                                                                  |
| 18 | Các biên bản/kết luận/quyết định/hóa đơn                                                                                                      |                                                                  |

| TT                                   | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                               |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                      | chứng từ liên quan đến cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                    |
| 19                                   | Thông tin về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                    |
| 20                                   | Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/bộ phận thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                | QĐ 355/QĐ-ĐHCT ngày 18/02/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT                   |
| 21                                   | Các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan                                                                                                                                                                                                                                | QĐ 1086/QĐ-ĐHCT, ngày 17/4/2014 ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động ĐBCL                                                     |
| 22                                   | Các báo cáo khảo sát kết quả thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Báo cáo về kết quả Nhận xét lớp học phần và Lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong giai đoạn 2012 - 2016 |
| 23                                   | Các biên bản/kết luận về việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy - học, hoạt động hỗ trợ và các hoạt động cải tiến chất lượng khác                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                    |
| 24                                   | Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa/đơn vị/bộ phận thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                      | <a href="https://qat.ctu.edu.vn/">https://qat.ctu.edu.vn/</a><br><a href="https://oss.ctu.edu.vn/">https://oss.ctu.edu.vn/</a>     |
| <b>Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                    |
| 1                                    | Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách giám sát tỉ lệ thôi học/tốt nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                    |
| 2                                    | Văn bản ban hành quy trình/trang bị công cụ thực hiện giám sát tỉ lệ thôi học/tốt nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                    |
| 3                                    | Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 5 năm của chu kỳ đánh giá bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm |                                                                                                                                    |
| 4                                    | Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp; nhật ký tư                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                    |

| TT | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                                                                                                                                       | Gợi ý các Minh chứng                                                                                             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | vấn cho người học sau khi thôi học; nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp                                                                                                                                                                      |                                                                                                                  |
| 5  | Đối sánh trong nước và quốc tế về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp                                                                     |                                                                                                                  |
| 6  | Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách giám sát thời gian tốt nghiệp; văn bản ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình                                                                                                      | QĐ 355/QĐ-ĐHCT ngày 18/02/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT |
| 7  | Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê/theo dõi, báo cáo tổng kết tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 5 năm của chu kỳ đánh giá                                                                                                            |                                                                                                                  |
| 8  | Đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp |                                                                                                                  |
| 9  | Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách theo dõi, liên hệ với người tốt nghiệp; văn bản ban hành quy trình thực hiện/kinh phí sử dụng cho hoạt động hỗ trợ người tốt nghiệp chưa có việc làm                                                              |                                                                                                                  |
| 10 | Cơ sở dữ liệu về người tốt nghiệp ( <b>trong vòng 2 năm</b> sau khi tốt nghiệp) trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết/đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm, thu nhập bình quân của 5 khóa tốt nghiệp trong giai đoạn đánh giá)              |                                                                                                                  |
| 11 | Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người tốt nghiệp chưa tìm được việc làm; nhật ký tư vấn/hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm                                                                                                                           |                                                                                                                  |
| 12 | Dữ liệu đối sánh trong CSGD, trong nước/quốc tế về tỉ lệ có việc làm của người tốt nghiệp; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm                                                                                                                                |                                                                                                                  |

| TT | Nguồn Minh chứng                                                                                                                                                                                               | Gợi ý các Minh chứng                                                                                                                                                  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | Dữ liệu khảo sát/trao đổi/làm việc với các đơn vị sử dụng lao động trong việc gắn kết doanh nghiệp với CSGD ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và tìm kiếm việc làm                                     |                                                                                                                                                                       |
| 14 | Kế hoạch/chiến lược NCKH của người học                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                       |
| 15 | Thống kê, đánh giá các hoạt động NCKH của người học trong giai đoạn đánh giá                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                       |
| 16 | Dữ liệu về nguồn thu/chí tài chính dành cho các hoạt động NCKH của người học trong giai đoạn đánh giá                                                                                                          |                                                                                                                                                                       |
| 17 | Dữ liệu về việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của người học trong đó thể hiện được các đề xuất NCKH phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của CSGD                           |                                                                                                                                                                       |
| 18 | Đối sánh trong nước và quốc tế về loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH của người học thuộc các CTĐT tương ứng                                                                                   |                                                                                                                                                                       |
| 19 | Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách thực hiện khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan                                                                                     | QĐ 355/QĐ-ĐHCT ngày 18/02/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT                                                      |
| 20 | Các quy định về quy trình/phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan (người học, cựu người học, giảng viên, nghiên cứu viên, nhà sử dụng lao động, nhân viên, cán bộ quản lý) | QĐ 1640/QĐ-ĐHCT ngày 20/8/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan                                                 |
| 21 | Phiếu đánh giá/dữ liệu khảo sát, báo cáo đánh giá/báo cáo thống kê về mức độ hài lòng của các bên liên quan                                                                                                    | Tham khảo tại <a href="https://qat.ctu.edu.vn/qui-trinh-bieu-mau/bo-cong-cu-lay-y-kien.html">https://qat.ctu.edu.vn/qui-trinh-bieu-mau/bo-cong-cu-lay-y-kien.html</a> |
| 22 | Các quyết định/tài liệu liên quan đến việc đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng CTĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan                     |                                                                                                                                                                       |



**Phụ lục 2: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo**

(Theo Phụ lục 8 tại Công văn Số: 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ban hành ngày ngày 28/6/ 2016 về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo)

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**  
**KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày ...../...../20....

**I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: .....
  - Tiếng Anh: .....
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: .....
  - Tiếng Anh: .....
3. Tên trước đây (nếu có): .....
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: .....
5. Địa chỉ: .....
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại .....Số fax .....
7. E-mail: ..... Website: .....
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): .....
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: .....
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: .....
11. Loại hình cơ sở giáo dục:  
Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐  
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

**II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: .....
  - Tiếng Anh: .....
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: .....
  - Tiếng Anh: .....
14. Tên trước đây (nếu có): .....
15. Tên CTĐT:
  - Tiếng Việt: .....
  - Tiếng Anh: .....
16. Mã CTĐT:.....
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: .....
19. Số điện thoại liên hệ: ..... Số fax: .....
20. E-mail:.....Website:.....
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): .....

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): .....

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): .....

### III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

| TT   | Các bộ phận                               | Họ và tên | Năm sinh | Học vị, chức danh, chức vụ | Điện thoại | Email |
|------|-------------------------------------------|-----------|----------|----------------------------|------------|-------|
|      | <b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>        |           |          |                            |            |       |
| 1    |                                           |           |          |                            |            |       |
| ...  |                                           |           |          |                            |            |       |
|      | <b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>              |           |          |                            |            |       |
| I.   | Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị              |           |          |                            |            |       |
| 1.   |                                           |           |          |                            |            |       |
| .... |                                           |           |          |                            |            |       |
| II.  | Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội |           |          |                            |            |       |
| 1.   |                                           |           |          |                            |            |       |
| .... |                                           |           |          |                            |            |       |
| III. | Các phòng, ban                            |           |          |                            |            |       |
| 1.   |                                           |           |          |                            |            |       |
| .... |                                           |           |          |                            |            |       |
| IV.  | Các bộ môn                                |           |          |                            |            |       |
| 1.   |                                           |           |          |                            |            |       |
| ...  |                                           |           |          |                            |            |       |

Ghi chú: Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ:.....

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: .....

Số lượng ngành đào tạo đại học: .....

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: .....

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): .....

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương

úng)

|                                                                 | Có                       | Không                    |
|-----------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chính quy                                                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Không chính quy                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Từ xa                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Liên kết đào tạo với nước ngoài                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Liên kết đào tạo trong nước                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)..... |                          |                          |

29. Tổng số các ngành đào tạo .....

#### IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

| TT  | Phân loại                                                                                   | Nam | Nữ | Tổng số |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|---------|
| I   | <b>Cán bộ cơ hữu</b><br><i>Trong đó:</i>                                                    |     |    |         |
| I.1 | Cán bộ trong biên chế                                                                       |     |    |         |
| I.2 | Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn              |     |    |         |
| II  | <b>Các cán bộ khác</b><br>Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng) |     |    |         |
|     | <b>Tổng số</b>                                                                              |     |    |         |

*Ghi chú: Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi. Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.*

*Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên.*

31. Thống kê, phân loại giảng viên

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                         |                                 | GV thỉnh giảng trong nước | GV quốc tế |
|-----|-----------------------------|-------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------|
|     |                             |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                           |            |
| (1) | (2)                         | (3)         | (4)                                   | (5)                                     | (6)                             | (7)                       | (8)        |
| 1   | Giáo sư, Viện sĩ            |             |                                       |                                         |                                 |                           |            |
| 2   | Phó Giáo sư                 |             |                                       |                                         |                                 |                           |            |
| 3   | Tiến sĩ khoa học            |             |                                       |                                         |                                 |                           |            |
| 4   | Tiến sĩ                     |             |                                       |                                         |                                 |                           |            |
| 5   | Thạc sĩ                     |             |                                       |                                         |                                 |                           |            |
| 6   | Đại học                     |             |                                       |                                         |                                 |                           |            |
| 7   | Cao đẳng                    |             |                                       |                                         |                                 |                           |            |
| 8   | Trình độ khác               |             |                                       |                                         |                                 |                           |            |

| TT | Trình độ, học vị, chức danh | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                         |                                 | GV thỉnh giảng trong nước | GV quốc tế |
|----|-----------------------------|-------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------|
|    |                             |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                           |            |
|    | <b>Tổng số</b>              |             |                                       |                                         |                                 |                           |            |

*Ghi chú: Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn*

*(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)*

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = ..... người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:.....

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Hệ số quy đổi | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                         |                                 | GV thỉnh giảng | GV quốc tế | GV quy đổi |
|-----|-----------------------------|---------------|-------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|----------------|------------|------------|
|     |                             |               |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                |            |            |
| (1) | (2)                         | (3)           | (4)         | (5)                                   | (6)                                     | (7)                             | (8)            | (9)        | (10)       |
|     | Hệ số quy đổi               |               |             | 1,0                                   | 1,0                                     | 0,3                             | 0,2            | 0,2        |            |
| 1   | Giáo sư, Viện sĩ            | 5,0           |             |                                       |                                         |                                 |                |            |            |
| 2   | Phó Giáo sư                 | 3,0           |             |                                       |                                         |                                 |                |            |            |
| 3   | Tiến sĩ khoa học            | 3,0           |             |                                       |                                         |                                 |                |            |            |
| 4   | Tiến sĩ                     | 2             |             |                                       |                                         |                                 |                |            |            |
| 5   | Thạc sĩ                     | 1             |             |                                       |                                         |                                 |                |            |            |
| 6   | Đại học                     | 0,5           |             |                                       |                                         |                                 |                |            |            |
|     | <b>Tổng</b>                 |               |             |                                       |                                         |                                 |                |            |            |

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số

người):

| TT | Trình độ / học vị | Số lượng, người | Tỷ lệ (%) | Phân loại theo giới tính (ng) |    | Phân loại theo tuổi (người) |       |       |       |      |
|----|-------------------|-----------------|-----------|-------------------------------|----|-----------------------------|-------|-------|-------|------|
|    |                   |                 |           | Nam                           | Nữ | < 30                        | 30-40 | 41-50 | 51-60 | > 60 |
| 1  | Giáo sư, Viện sĩ  |                 |           |                               |    |                             |       |       |       |      |
| 2  | Phó Giáo sư       |                 |           |                               |    |                             |       |       |       |      |
| 3  | Tiến sĩ khoa học  |                 |           |                               |    |                             |       |       |       |      |
| 4  | Tiến sĩ           |                 |           |                               |    |                             |       |       |       |      |
| 5  | Thạc sĩ           |                 |           |                               |    |                             |       |       |       |      |
| 6  | Đại học           |                 |           |                               |    |                             |       |       |       |      |
|    | <b>Tổng</b>       |                 |           |                               |    |                             |       |       |       |      |

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu:.....tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: .....

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: .....

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

| TT | Tần suất sử dụng                                                    | Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học |         |
|----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|    |                                                                     | Ngoại ngữ                                        | Tin học |
| 1  | Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)                     |                                                  |         |
| 2  | Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)                |                                                  |         |
| 3  | Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)               |                                                  |         |
| 4  | Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)                |                                                  |         |
| 5  | Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc) |                                                  |         |
|    | <b>Tổng</b>                                                         |                                                  |         |

## V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

| Năm học     | Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người) | Số trúng tuyển (người) | Tỷ lệ cạnh tranh | Số nhập học thực tế (người) | Điểm tuyển đầu vào/thang điểm | Điểm trung bình của sinh viên được tuyển | Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người) |
|-------------|--------------------------------------|------------------------|------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 20...-20..  |                                      |                        |                  |                             |                               |                                          |                                             |
| 20...-20... |                                      |                        |                  |                             |                               |                                          |                                             |
| 20...-20... |                                      |                        |                  |                             |                               |                                          |                                             |
| 20...-20... |                                      |                        |                  |                             |                               |                                          |                                             |
| 20...-20... |                                      |                        |                  |                             |                               |                                          |                                             |

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

| Các tiêu chí          | 20..-20.. | 20..-20.. | 20..-20.. | 20..-20.. | 20..-20.. |
|-----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1. Nghiên cứu sinh    |           |           |           |           |           |
| 2. Học viên cao học   |           |           |           |           |           |
| 3. Sinh viên đại học  |           |           |           |           |           |
| Trong đó:             |           |           |           |           |           |
| Hệ chính quy          |           |           |           |           |           |
| Hệ không chính quy    |           |           |           |           |           |
| 4. Sinh viên cao đẳng |           |           |           |           |           |
| Trong đó:             |           |           |           |           |           |
| Hệ chính quy          |           |           |           |           |           |
| Hệ không chính quy    |           |           |           |           |           |
| 5. Học sinh TCCN      |           |           |           |           |           |
| Trong đó:             |           |           |           |           |           |
| Hệ chính quy          |           |           |           |           |           |
| Hệ không chính quy    |           |           |           |           |           |
| 6. Khác...            |           |           |           |           |           |

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

|                                  | Năm học     |             |             |             |             |
|----------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|                                  | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... |
| Số lượng (người)                 |             |             |             |             |             |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số người học |             |             |             |             |             |

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

| Các tiêu chí                                                                    | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... |
|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )                                     |             |             |             |             |             |
| 2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)           |             |             |             |             |             |
| 3. Người học được ở trong ký túc xá (người)                                     |             |             |             |             |             |
| 4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người) |             |             |             |             |             |

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

|                                  | Năm học     |             |             |             |             |
|----------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|                                  | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... |
| Số lượng (người)                 |             |             |             |             |             |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên |             |             |             |             |             |



40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

| Các tiêu chí                                         | Năm tốt nghiệp  |                 |                 |                 |                 |
|------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                                                      | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... |
| 1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ |                 |                 |                 |                 |                 |
| 2. Học viên tốt nghiệp cao học                       |                 |                 |                 |                 |                 |
| 3. Sinh viên tốt nghiệp đại học                      |                 |                 |                 |                 |                 |
| Trong đó:                                            |                 |                 |                 |                 |                 |
| Hệ chính quy                                         |                 |                 |                 |                 |                 |
| Hệ không chính quy                                   |                 |                 |                 |                 |                 |
| 4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng                     |                 |                 |                 |                 |                 |
| Trong đó:                                            |                 |                 |                 |                 |                 |
| Hệ chính quy                                         |                 |                 |                 |                 |                 |
| Hệ không chính quy                                   |                 |                 |                 |                 |                 |
| 5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp                     |                 |                 |                 |                 |                 |
| Trong đó:                                            |                 |                 |                 |                 |                 |
| Hệ chính quy                                         |                 |                 |                 |                 |                 |
| Hệ không chính quy                                   |                 |                 |                 |                 |                 |
| 6. Khác...                                           |                 |                 |                 |                 |                 |

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

| Các tiêu chí                                                                                                                      | Năm tốt nghiệp  |                 |                 |                 |                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                                                                                                                                   | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... |
| 1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).                                                                                         |                 |                 |                 |                 |                 |
| 2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).                                                                            |                 |                 |                 |                 |                 |
| 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:                                                                          |                 |                 |                 |                 |                 |
| A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4                                         |                 |                 |                 |                 |                 |
| B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:                                  |                 |                 |                 |                 |                 |
| 3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).            |                 |                 |                 |                 |                 |
| 3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). |                 |                 |                 |                 |                 |
| 3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp       |                 |                 |                 |                 |                 |

| Các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Năm tốt nghiệp  |                 |                 |                 |                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... | 20...-<br>20... |
| 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:<br>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5<br>B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:                                    |                 |                 |                 |                 |                 |
| 4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).<br>- Sau 6 tháng tốt nghiệp.<br>- Sau 12 tháng tốt nghiệp.                                                                                                                                                                                  |                 |                 |                 |                 |                 |
| 4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).                                                                                                                                                                                                                                             |                 |                 |                 |                 |                 |
| 4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.                                                                                                                                                                                                                                             |                 |                 |                 |                 |                 |
| 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:<br>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.<br>B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây: |                 |                 |                 |                 |                 |
| 5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).                                                                                                                                                                                                                    |                 |                 |                 |                 |                 |
| 5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).                                                                                                                                                                                                              |                 |                 |                 |                 |                 |
| 5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).                                                                                                                                                                                                                 |                 |                 |                 |                 |                 |

*Ghi chú:*

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

| TT  | Phân loại đề tài  | Hệ số** | Số lượng    |             |             |             |             | Tổng (đã quy đổi) |
|-----|-------------------|---------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------------|
|     |                   |         | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... |                   |
| (1) | (2)               | (3)     | (4)         | (5)         | (6)         | (7)         | (8)         | (9)               |
| 1   | Đề tài cấp NN     | 2,0     |             |             |             |             |             |                   |
| 2   | Đề tài cấp Bộ*    | 1,0     |             |             |             |             |             |                   |
| 3   | Đề tài cấp trường | 0,5     |             |             |             |             |             |                   |
| 4   | <b>Tổng</b>       |         |             |             |             |             |             |                   |

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: .....

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: .....

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

| TT | Năm   | Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ) | Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%) | Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người) |
|----|-------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 20... |                                                        |                                                                                                             |                                                                                        |
| 2  | 20... |                                                        |                                                                                                             |                                                                                        |
| 3  | 20... |                                                        |                                                                                                             |                                                                                        |
| 4  | 20... |                                                        |                                                                                                             |                                                                                        |
| 5  | 20... |                                                        |                                                                                                             |                                                                                        |

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| Số lượng đề tài         | Số lượng cán bộ tham gia |                |                   | Ghi chú |
|-------------------------|--------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                         | Đề tài cấp NN            | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài       |                          |                |                   |         |
| Từ 4 đến 6 đề tài       |                          |                |                   |         |
| Trên 6 đề tài           |                          |                |                   |         |
| Tổng số cán bộ tham gia |                          |                |                   |         |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần

đây:

| TT | Phân loại sách   | Hệ số** | Số lượng |       |       |       |       | Tổng (đã quy đổi) |
|----|------------------|---------|----------|-------|-------|-------|-------|-------------------|
|    |                  |         | 20...    | 20... | 20... | 20... | 20... |                   |
| 1  | Sách chuyên khảo | 2,0     |          |       |       |       |       |                   |
| 2  | Sách giáo trình  | 1,5     |          |       |       |       |       |                   |
| 3  | Sách tham khảo   | 1,0     |          |       |       |       |       |                   |
| 4  | Sách hướng dẫn   | 0,5     |          |       |       |       |       |                   |
| 5  | <b>Tổng</b>      |         |          |       |       |       |       |                   |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): .....

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .....

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

| Số lượng sách           | Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách |                 |                |                |
|-------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------|----------------|
|                         | Sách chuyên khảo                          | Sách giáo trình | Sách tham khảo | Sách hướng dẫn |
| Từ 1 đến 3 cuốn sách    |                                           |                 |                |                |
| Từ 4 đến 6 cuốn sách    |                                           |                 |                |                |
| Trên 6 cuốn sách        |                                           |                 |                |                |
| Tổng số cán bộ tham gia |                                           |                 |                |                |

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại tạp chí                     | Hệ số** | Số lượng |      |      |      |      | Tổng (đã quy đổi) |
|----|---------------------------------------|---------|----------|------|------|------|------|-------------------|
|    |                                       |         | 20..     | 20.. | 20.. | 20.. | 20.. |                   |
| 1  | Tạp chí khoa học quốc tế              | 1,5     |          |      |      |      |      |                   |
| 2  | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | 1,0     |          |      |      |      |      |                   |
| 3  | Tạp chí / tập san của cấp trường      | 0,5     |          |      |      |      |      |                   |
|    | <b>Tổng</b>                           |         |          |      |      |      |      |                   |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): .....

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .....

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp

chỉ trong 5 năm gần đây:

| Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo<br>đăng trên tạp chí | Nơi đăng                    |                                             |                                 |
|--------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------|
|                                                        | Tạp chí khoa<br>học quốc tế | Tạp chí khoa học<br>cấp ngành trong<br>nước | Tạp chí / tập san<br>cấp trường |
| Từ 1 đến 5 bài báo                                     |                             |                                             |                                 |
| Từ 6 đến 10 bài báo                                    |                             |                                             |                                 |
| Từ 11 đến 15 bài báo                                   |                             |                                             |                                 |
| Trên 15 bài báo                                        |                             |                                             |                                 |
| Tổng số cán bộ tham gia                                |                             |                                             |                                 |

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại hội thảo  | Hệ<br>số** | Số lượng |       |       |       |       | Tổng (đã<br>quy đổi) |
|----|---------------------|------------|----------|-------|-------|-------|-------|----------------------|
|    |                     |            | 20...    | 20... | 20... | 20... | 20... |                      |
| 1  | Hội thảo quốc tế    | 1,0        |          |       |       |       |       |                      |
| 2  | Hội thảo trong nước | 0,5        |          |       |       |       |       |                      |
| 3  | Hội thảo cấp trường | 0,25       |          |       |       |       |       |                      |
| 4  | <b>Tổng</b>         |            |          |       |       |       |       |                      |

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): .....

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .....

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

| Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo<br>khoa học tại các hội nghị, hội thảo | Cấp hội thảo        |                        |                      |
|--------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|----------------------|
|                                                                          | Hội thảo<br>quốc tế | Hội thảo<br>trong nước | Hội thảo ở<br>trường |
| Từ 1 đến 5 báo cáo                                                       |                     |                        |                      |
| Từ 6 đến 10 báo cáo                                                      |                     |                        |                      |
| Từ 11 đến 15 báo cáo                                                     |                     |                        |                      |
| Trên 15 báo cáo                                                          |                     |                        |                      |
| Tổng số cán bộ tham gia                                                  |                     |                        |                      |

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

| Năm học     | Số bằng phát minh, sáng chế được cấp<br>(ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp) |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 20...-20... |                                                                                         |
| 20...-20... |                                                                                         |
| 20...-20... |                                                                                         |
| 20...-20... |                                                                                         |
| 20...-20... |                                                                                         |

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| Số lượng đề tài            | Số lượng người học tham gia |                |                   | Ghi chú |
|----------------------------|-----------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                            | Đề tài cấp NN               | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài          |                             |                |                   |         |
| Từ 4 đến 6 đề tài          |                             |                |                   |         |
| Trên 6 đề tài              |                             |                |                   |         |
| Tổng số người học tham gia |                             |                |                   |         |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

| TT | Thành tích nghiên cứu khoa học                | Số lượng    |             |             |             |             |
|----|-----------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|    |                                               | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... |
| 1  | Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo  |             |             |             |             |             |
| 2  | Số bài báo được đăng, công trình được công bố |             |             |             |             |             |

**VII. Cơ sở vật chất, thư viện**

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): ....

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): ....

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: ..... Nơi học: ..... Nơi vui chơi giải trí: .....

56. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: .....

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: .....

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện:.....

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): .....

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: .....

- Dùng cho người học học tập: .....

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: .....

**VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người):.....

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%):.....

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):.....

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):.....

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người):.....

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên:.....

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):.....

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):.....

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):.....

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):.....

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):.....

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy:.....

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:.....

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:.....

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)*

**Phụ lục 3: Các Minh chứng cốt lõi được sử dụng trong đánh giá CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA (Version 3)**



| TT       | Các MC cốt lõi                                                                                    | Mã AUN-QA | Hướng dẫn Thực hiện                                                                                    |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Cấp Trường</b>                                                                                 |           |                                                                                                        |
| 1        | Triết lý Giáo dục / Mục tiêu giáo dục                                                             | e         | Trích Luật GD và Luật GDĐH                                                                             |
| 2        | Sứ mệnh – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi                                                              |           | Trích từ Báo cáo thường niên Trường ĐHCT                                                               |
| 3        | Chính sách chất lượng                                                                             |           | Trích từ Báo cáo thường niên Trường ĐHCT                                                               |
| 4        | Quy định công tác học vụ                                                                          |           | Quy định năm 2019                                                                                      |
| 5        | Mẫu phiếu Đánh giá dành cho người học (trình độ đại học)                                          | j         | Dùng mẫu phiếu online của Nhà trường                                                                   |
| 6        | Mẫu phiếu đánh giá Cán bộ học thuật và Cán bộ hỗ trợ                                              | i         | Mẫu phiếu đánh giá cán bộ công nhân viên cuối năm của Nhà trường                                       |
| 7        | Đề án tuyển sinh                                                                                  |           | Đề án tuyển sinh 2017, 2018, 2019                                                                      |
| 8        | Khung Trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6)                                                          |           |                                                                                                        |
| <b>B</b> | <b>Cấp Khoa/Bộ môn</b>                                                                            |           |                                                                                                        |
| 9        | Mục tiêu đào tạo của Chương trình                                                                 |           |                                                                                                        |
| 10       | Chuẩn Đầu ra của Chương trình                                                                     | a         | Tham khảo Chương trình đào tạo áp dụng từ Khóa 45 (bảo đảm cấu trúc theo Bloom taxonomy)               |
| 11       | Danh sách tên gọi, mã số và mô tả tóm tắt nội dung các HP trong chương trình dạy học (curriculum) | b         | Phần mô tả tóm tắt viết trong 1 đoạn văn                                                               |
| 12       | Quy cách Chương trình                                                                             | c         | - Sử dụng nội dung trong giai đoạn 5 năm liền trước năm đánh giá đã được công bố trên website          |
| 13       | 03 Mẫu quy cách HP trong CTĐT                                                                     | d         | Sử dụng nội dung đã được công bố trên website (01 HP Đại cương; 01 HP cơ sở ngành; 01 HP chuyên ngành) |
| 14       | 03 Mẫu bài thi cho 03 HP tại mục 5                                                                | f         | Các Đề thi và bài thi bảo đảm đáp ứng yêu cầu                                                          |
| 15       | 03 Mẫu Đáp án và hướng dẫn cho điểm bài thi tại mục 6                                             | g         | Các Đáp án bảo đảm đáp ứng yêu cầu                                                                     |

| TT | Các MC cốt lõi                                                                                                                                                                   | Mã AUN-QA | Hướng dẫn Thực hiện                                                                                                     |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16 | Mẫu rubrics (đánh giá thực tập/ thực tập doanh nghiệp/ Đồ án / Luận văn)<br><b>nếu đã áp dụng</b>                                                                                | h         | Nếu CTĐT không áp dụng Rubrics thì bỏ qua mục này                                                                       |
| 17 | Tóm tắt trong phạm vi 01 trang A4 đối với mỗi văn bản/tài liệu được dùng làm MC/Phụ lục:<br>- Báo cáo khảo sát,<br>- Báo cáo thăm dò,<br>- Biên bản họp (liên quan Chương trình) | k         | Đối tượng/ phương pháp/ thời gian/ bảng hỏi/ kết quả/ biện pháp phát huy hoặc khắc phục căn cứ kết quả khảo sát này,... |
| 18 | Tóm tắt việc thực hiện về kế hoạch nhân sự đối với Cán bộ học thuật<br>Tóm tắt việc thực hiện về kế hoạch nhân sự đối với Cán bộ hỗ trợ                                          | l         | Căn cứ Kế hoạch của Trường/ Khoa/ Bộ môn trong giai đoạn 05 năm liền trước năm đánh giá                                 |
| 19 | Tóm tắt việc thực hiện về kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đối với Cán bộ học thuật<br>Tóm tắt việc thực hiện về kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đối với Cán bộ hỗ trợ                | m         | Căn cứ Kế hoạch của Trường/ Khoa/ Bộ môn trong giai đoạn 05 năm liền trước năm đánh giá                                 |